

# VĂN BẢN

(1 tiết)

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu khái quát về văn bản và các đặc điểm của văn bản.
- Vận dụng sự hiểu biết về văn bản vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

Cụ thể :

+ Biết dựa vào tên văn bản để hình dung khái quát về nội dung văn bản.  
Từ đó vận dụng vào việc đọc văn bản, vào việc tìm mua, tìm đọc sách, báo.

+ Hình thành thói quen xác định mục đích, tìm hiểu kĩ về người nhận văn bản để lựa chọn nội dung và cách viết văn bản phù hợp thông qua việc trả lời các câu hỏi trước khi viết văn.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về khái niệm *văn bản*

Tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, các tác giả khác nhau có thể đưa ra những quan niệm khác nhau về văn bản. Có thể nêu hai cách hiểu rộng và hẹp về văn bản như sau :

– Theo *cách hiểu hẹp*, văn bản là một biến thể liên tục dạng viết của ngôn bản. (*Ngôn bản* là chuỗi các yếu tố ngôn ngữ mà người giao tiếp tạo nên để truyền đạt nội dung giao tiếp).

– Theo *cách hiểu rộng*, văn bản được hiểu tương tự như ngôn bản, tồn tại ở cả dạng viết lẫn dạng nói.

Xét thấy không cần thiết phải phân biệt *ngôn bản* và *văn bản* ở cấp học phổ thông, mặt khác để thống nhất với THCS, sách *Ngữ văn 10 Nâng cao* chủ trương cung cấp cách hiểu rộng về văn bản.

Tham khảo định nghĩa sau : "Văn bản là một loại đơn vị làm thành từ một khúc đoạn lời nói hay lời viết, hoặc lớn hoặc nhỏ, có cấu trúc, có đề tài [...] loại như một truyện kể, một bài thơ, một đơn thuốc, một biển chỉ đường [...]"<sup>(1)</sup>.

Như vậy, cách hiểu về văn bản rất rộng. GV cần làm cho HS thấy được xung quanh chúng ta có rất nhiều văn bản, ta tiếp xúc với chúng hằng ngày và văn bản hết sức đa dạng. Qua đó, khẳng định văn bản vừa là phương tiện để giao tiếp, vừa là sản phẩm của giao tiếp.

### 2. Về đặc điểm của văn bản

Các nhà nghiên cứu đưa ra các đặc điểm sau của văn bản :

- Nội dung : văn bản có đề tài (hoặc chủ đề) xác định.
- Cấu trúc : văn bản có cấu trúc (cách tổ chức) hình thức.
- Mạch lạc và liên kết.
- Lượng : văn bản có thể gồm một câu, có thể gồm nhiều câu.

...

---

(1) Diệp Quang Ban phỏng theo định nghĩa trong *Bách khoa thư ngôn ngữ và ngôn ngữ học*, 1994, tập 10, Pergamon Press.

Về cơ bản, SGK cung cấp đủ các đặc điểm trên của văn bản. Song, để giúp HS vận dụng các đặc điểm vào đọc - hiểu, SGK đưa thêm yếu tố tác giả, để HS có ý thức tìm hiểu dấu ấn riêng của tác giả khi tiếp nhận các văn bản văn học, đồng thời, để có thể vận dụng trong làm văn. GV cần nhấn mạnh cho HS về các câu hỏi được đặt ra trước khi viết (nói).

### 3. Về phương pháp

Bài học này trong SGK được trình bày thành hai phần rõ rệt : lí thuyết và luyện tập. GV có thể dạy phần lí thuyết xong, rồi cho HS luyện tập như thường làm. Song, để HS hiểu kĩ nội dung và tăng sự sinh động cho tiết học, GV có thể chia bài này làm hai phần :

- Khái quát về văn bản.
- Đặc điểm của văn bản.

Sau khi dạy xong mỗi phần, nên cho HS luyện tập ngay về phần đó. Cụ thể :

- Sau phần *Khái quát về văn bản*, có thể cho HS làm Bài tập 2 và 3 để HS liên hệ với các văn bản trong đời sống hằng ngày cũng như thấy được vai trò của văn bản trong lịch sử văn hoá dân tộc.

- Sau phần *Đặc điểm của văn bản*, cho HS làm Bài tập 1, 4, 5 qua đó minh hoạ sự thống nhất về đề tài, về tư tưởng, tình cảm cũng như cách sắp xếp các ý trong văn bản, làm rõ được các đặc điểm của văn bản qua một ví dụ cụ thể.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Khái quát về văn bản

a) GV cần lưu ý tránh lối diễn giảng lí thuyết, nên thông qua những câu hỏi để HS trả lời và tự rút ra nhận xét. Sau đó kết hợp làm các bài tập liên quan.

#### ***Bài tập 2, 3***

- Sau khi HS nắm được khái niệm *văn bản*, GV yêu cầu HS tìm các ví dụ về văn bản trong đời sống (Bài tập 2). GV lưu ý đến tính đa dạng của văn bản như các văn bia cổ, các câu đối, các bức hoành phi, các ghi chép, lời răn dạy, v.v. qua đó cho HS thấy được sự hiện diện của văn bản ở khắp nơi trong đời sống. Đồng thời khẳng định : văn bản có thể có độ dài ngắn khác nhau, nhưng chúng phải là một thể thống nhất, hoàn chỉnh.

b) Tiếp theo, cho HS tìm hiểu về vai trò của văn bản đối với lịch sử văn hoá của dân tộc (Bài tập 3). Có thể hướng dẫn HS trả lời thông qua các câu hỏi như :

– Nhờ đâu mà các anh (chị) biết được suy nghĩ, cách ứng xử của những người Việt Nam sống cách chúng ta hàng trăm, hàng ngàn năm ?

– Nhờ đâu mà chúng ta (hoặc những người nước ngoài) biết được cuộc sống của người Việt xưa ?

Qua đó, khẳng định vai trò to lớn của văn bản đối với lịch sử văn hoá dân tộc. Nhờ có văn bản mà các thành tựu của nền văn hoá dân tộc được lưu giữ và phát triển. Sự phong phú, đa dạng của một nền văn hoá phụ thuộc nhiều vào số lượng văn bản còn lưu giữ được.

Qua đây, GV khuyến khích HS đọc nhiều (tiếp xúc nhiều) văn bản để tăng sự hiểu biết, làm giàu thêm vốn văn hoá của bản thân.

## **2. Đặc điểm của văn bản**

a) Cần lưu ý HS, văn bản được nói (viết) ra là để phục vụ cho hoạt động giao tiếp. Muốn giao tiếp đạt hiệu quả, khi nói (viết) văn bản, phải chú ý trả lời được các câu hỏi :

– Nói (viết) để làm gì ?

– Nói (viết) cho ai ?

– Nói (viết) cái gì ?

– Nói (viết) như thế nào ?

Có thể lấy các ví dụ trong thực tế giao tiếp hằng ngày để minh hoạ. Đơn giản nhất là lấy các ví dụ về xưng hô, để cho HS thấy nói (viết) với những người khác nhau thì phải khác nhau. Hoặc để cho sinh động, có thể lấy câu chuyện về chàng Ngốc cho HS thấy tùy từng hoạt động giao tiếp mà nói (viết) phải khác nhau.

(Truyện *Chàng Ngốc* có thể được tóm tắt như sau : Chàng Ngốc nghe lời vợ về quê, nhưng rất lo không biết phải trả lời họ hàng như thế nào. Vợ dặn : Nếu ai hỏi : "Anh là ai ?", thì trả lời : "Chính tôi là Ngốc đây". Nếu họ hỏi : "Anh có đi với ai nữa không ?", thì trả lời : "Không, chỉ có mình tôi thôi". Nếu họ mời : "Anh ở lại đây chơi mấy hôm", thì trả lời : "Vâng, ở nhà tôi chỉ mong có thể". Ngốc ta nhắm học thuộc và lên đường. Giữa đường, gặp một đám đông, Ngốc lại xem, hoá ra là một án mạng. Khi các nhà chức trách đến, mọi người đều bỏ chạy, chỉ có Ngốc đứng lại.

Các nhà chức trách hỏi :

- Ai giết người này ?
- Chính tôi là Ngọc đây – Ngọc trả lời.
- Ngoài anh ra, còn ai nữa ?
- Không, chỉ có mình tôi thôi.
- Bắt nó vào tù.
- Vâng, ở nhà tôi chỉ mong có thể).

b) GV giới thiệu cho HS các đặc điểm của văn bản (hoặc cho HS tự đọc, rồi tóm tắt vào vở).

c) **Bài tập 4**

GV dựa vào bài *Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử*, cho HS ôn lại những nội dung chính của bài, tóm tắt thành các ý chính. Từ đó, chỉ ra sự thống nhất về nội dung, sự hoàn chỉnh về hình thức của văn bản này.

d) Về nhà

- Cho HS làm Bài tập 5. Để kiểm tra cách làm của HS, GV có thể chọn lấy một bài báo (lưu ý chọn những bài có tên bài đủ rõ, phản ánh được nội dung chính của văn bản), đọc tên bài cho HS về nhà tự ghi ra vở những nội dung dự kiến của bài báo. Tiết sau, GV đọc bài báo để HS đối chiếu, GV kiểm tra.

- Yêu cầu HS sưu tập một số văn bản hành chính như quyết định, báo cáo, biên bản,... để chuẩn bị cho tiết học sau.